

Bản số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6 - 2025

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Ông Nông Khắc Huy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thúy Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị P**, sinh năm 1994/ Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm B, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Chu Quốc C**, sinh năm 1988/ Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm B, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị P trình bày: Chị và anh Chu Quốc C kết hôn, xây dựng gia đình với nhau từ tháng 6 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; có được tự nguyện và có cưới hỏi theo phong tục. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được những năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách hai người không có sự hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết. Chị và anh Chu Quốc C hiện đã ly thân được một thời gian, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân chị nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ

chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Quốc C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Quốc D, sinh ngày 06/11/2018. Khi ly hôn chị P đồng ý để anh C trực tiếp nuôi con, chị P sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con vì con đang ở với anh Chu Quốc C.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Chu Quốc C trình bày: Anh và chị Trương Thị P kết hôn với nhau tháng 6 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, có được tự nguyện. Quá trình chung sống theo anh Chu Quốc C vợ chồng không có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng vẫn có sự hòa hợp và không phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng có và chưa đến mức phải ly hôn. Tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn với chị Trương Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Quốc D, sinh ngày 06/11/2018. Nếu ly hôn anh Chu Quốc C nhận nuôi con vì con đang ở với anh từ bé đến nay, anh yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con tối thiểu 3.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị P khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Chu Quốc C, bị đơn đang cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho chị Trương Thị P, tuy nhiên hiện nay chị P đã về Thanh Hóa làm ăn sinh sống được hơn một năm nay, chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị với lý do đang đi làm ăn ở xa và bận công việc. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị P và anh Chu Quốc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được những năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của hai bên đương sự xác

định được mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sự hòa hợp và đã sống ly thân được một thời gian dài, chị P đã về quê nhà Thanh H làm ăn sinh sống được hơn một năm nay. Trong quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và xin được ly hôn anh Chu Quốc C. Còn anh Chu Quốc C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn và muốn chị P quay về đoàn tụ vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên trong thời gian qua anh Chu Quốc C không có cách nào hòa giải đoàn tụ với chị P, dù đã đi tìm, gặp gỡ nói chuyện, thuyết phục chị P rút đơn quay về chung sống với anh nhưng chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị Trương Thị P và anh Chu Quốc C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, hai bên không còn tìm thấy sự đồng điệu, gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn khả năng đoàn tụ, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị P được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trương Thị P được ly hôn anh Chu Quốc C.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị P và anh Chu Quốc C có 01 con chung là Chu Quốc D, sinh ngày 06/11/2018. Khi ly hôn anh Chu Quốc C có nguyện vọng trực tiếp nuôi con vì con đang ở với anh, còn chị P đang đi thuê trọ trong Thanh Hóa để làm ăn và cũng nhất trí để anh C nuôi con. Xét thấy con đang ở, ăn học với anh Chu Quốc C và anh C cũng có điều kiện nuôi con, có nơi ở ổn định, có thời gian chăm sóc con nhỏ. Do vậy, để ổn định cuộc sống của con nhỏ cần giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Chu Quốc C.

Về mức cấp dưỡng nuôi con anh C yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con tối thiểu 3.000.000đ/ tháng, xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng là phù hợp với pháp luật, phù hợp điều kiện của chị P và phù hợp với yêu cầu thực tế cuộc sống hiện nay của con nên cần buộc chị P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh C mỗi tháng **3.000.000 đồng**.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Thị P và anh Chu Quốc C xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trương Thị P, cho chị Trương Thị P được ly hôn anh Chu Quốc C.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Chu Quốc D, sinh ngày 06/11/2018 cho anh Chu Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Trương Thị P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Chu Quốc C mỗi tháng **3.000.000 đồng** (ba triệu đồng) kể từ ngày 01/7/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành.

- Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

[5]. Án phí: Chị Trương Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002393 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Trương Thị P còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị đơn là anh Chu Quốc C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn là chị Trương Thị P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nhường